

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ
Đầu tư Chứng khoán Bản Việt**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 51

Handwritten red text and a stamp on the right margin, including the letters "S. C. TH" and a star symbol.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 11/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304524894 ngày 28 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, Tòa nhà HM Town, Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Cung Trần Việt	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Pho Hốp	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Phạm Pho Hốp	Tổng Giám đốc	Ngày 23 tháng 9 năm 2020
Bà Khúc Thị Kiều	Kế toán Trưởng	Ngày 29 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là ông Phạm Pho Hốp - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 13483489/67618305

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Nguyễn Thị Quỳnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4207-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		198.904.303.318	196.805.595.020
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	73.033.000.107	29.549.521.312
111	1. Tiền		26.033.000.107	4.549.521.312
112	2. Các khoản tương đương tiền		47.000.000.000	25.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	114.132.158.771	145.108.206.605
121	1. Đầu tư ngắn hạn		116.057.879.085	156.456.609.266
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.925.720.314)	(11.348.402.661)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.801.734.359	21.339.751.804
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	10.039.945.978	20.375.454.288
132	2. Trả trước cho người bán		35.850.000	-
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7	370.610.901	351.810.444
135	4. Các khoản phải thu khác	8	355.327.480	612.487.072
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		937.410.081	808.115.299
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	538.377.839	409.083.057
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	399.032.242	399.032.242
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.916.416.481	7.307.746.624
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		550.311.000	526.011.000
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	550.311.000	526.011.000
220	II. Tài sản cố định		1.391.308.195	2.025.806.648
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11.1	1.190.058.182	1.705.556.629
222	Nguyên giá tài sản cố định		3.187.174.044	3.187.174.044
223	Hao mòn tài sản cố định		(1.997.115.862)	(1.481.617.415)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11.2	201.250.013	320.250.019
228	Nguyên giá tài sản cố định		739.609.998	739.609.998
229	Hao mòn tài sản cố định		(538.359.985)	(419.359.979)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	3.690.105.359	4.338.136.852
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		2.381.295.918	2.848.953.061
258	2. Đầu tư dài hạn khác		2.500.000.000	2.500.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(1.191.190.559)	(1.010.816.209)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		284.691.927	417.792.124
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	284.691.927	417.792.124
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		204.820.719.799	204.113.341.644

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.240.673.910	2.766.407.890
310	I. Nợ ngắn hạn		1.930.673.910	2.456.407.890
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	423.106.440	412.604.499
315	2. Phải trả người lao động		600.000.000	-
316	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	334.394.551	289.016.359
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	85.467.219	1.267.081.332
323	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		487.705.700	487.705.700
330	II. Nợ dài hạn		310.000.000	310.000.000
359	1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		310.000.000	310.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		202.580.045.889	201.346.933.754
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	130.000.000.000	130.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.608.500.000)	(2.608.500.000)
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		-	3.606.859.427
419	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.606.859.427	3.606.859.427
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		71.581.686.462	66.741.714.900
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		204.820.719.799	204.113.341.644

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		1.080.293.339	1.080.293.339
006	2. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		12.118.180.000	28.606.040.000
007	- Chứng khoán giao dịch		12.118.180.000	28.606.040.000
020	3. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		76.905.862.700	75.432.690.000
030	4. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	17	15.732.181.232	7.444.607.871
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		15.276.700.770	7.431.683.332
032	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		455.480.462	12.924.539
040	5. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	18	83.874.433.633	112.970.357.852
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		83.055.044.257	104.858.856.338
042	- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		819.389.376	8.111.501.514
050	6. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	19	3.763.929.079	336.400.232
051	7. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	20	378.759.152	118.312.299

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Phó Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
01	1. Doanh thu		3.055.477.571	2.468.068.833
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21	3.055.477.571	2.468.068.833
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	22	(16.893.431.502)	(16.778.290.106)
20	4. Lỗ gộp từ hoạt động kinh doanh		(13.837.953.931)	(14.310.221.273)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	29.295.488.925	27.747.933.841
22	6. Chi phí tài chính	24	(5.984.960.828)	(20.545.599.887)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(8.189.462.031)	(9.253.983.010)
30	8. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		1.283.112.135	(16.361.870.329)
31	9. Thu nhập khác		439.018.501	269.874.323
32	10. Chi phí khác		(489.018.501)	(286.836.440)
40	11. Lỗ khác		(50.000.000)	(16.962.117)
50	12. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		1.233.112.135	(16.378.832.446)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	-	-
60	14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		1.233.112.135	(16.378.832.446)
70	15. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	27	95	(1.260)

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Phó Hop
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-CTQ

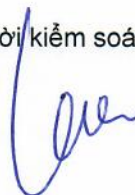
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		237.893.127.002	119.859.651.197
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(204.654.036.827)	(90.493.596.308)
03	3. Tiền chi trả lương cho người lao động		(12.770.500.000)	(17.240.893.571)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(2.781.302.154)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		326.122.247	920.427.249
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.930.403.291)	(2.841.868.170)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		18.864.309.131	7.422.418.243
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(813.593.500)
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(30.000.000.000)	(23.047.386.480)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		51.468.467.796	21.041.637.049
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
27	5. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		4.400.701.868	2.936.717.081
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		24.619.169.664	(1.132.625.850)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		43.483.478.795	6.289.792.393
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	29.549.521.312	23.259.728.919
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	73.033.000.107	29.549.521.312

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Phó Hốp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2022 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND	Năm 2022		Năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Trình bày lại) VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-	-	-	130.000.000.000	130.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.608.500.000)	(2.608.500.000)	-	-	-	-	(2.608.500.000)	(2.608.500.000)
3. Quỹ dự phòng tài chính		3.606.859.427	3.606.859.427	-	-	-	(3.606.859.427)	3.606.859.427	-
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.606.859.427	3.606.859.427	-	-	-	-	3.606.859.427	3.606.859.427
5. Lợi nhuận chưa phân phối (*)		83.120.547.346	66.741.714.900	-	(16.378.832.446)	4.839.971.562	-	66.741.714.900	71.581.686.462
TỔNG CỘNG		217.725.766.200	201.346.933.754	-	(16.378.832.446)	4.839.971.562	(3.606.859.427)	201.346.933.754	202.580.045.889

(*) Trong năm, Công ty thực hiện điều chuyển quỹ dự phòng tài chính sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 3.606.859.427 VND theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2023.

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Phó Hạp
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 11/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp; và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304524894 ngày 28 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, Tòa nhà HM Town, Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 22 người (31 tháng 12 năm 2022: 21 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi giao dịch tại công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua và bán ra để thu lợi trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư 24/2022/TT-BTC. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Chi phí trả trước thuê bao dữ liệu phần mềm;
- ▶ Chi phí bảo hiểm sức khỏe nhân viên;
- ▶ Chi phí dịch vụ mua ngoài.

3.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nâng cấp văn phòng	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm

3.7 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.8 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

3.9 *Lợi ích của nhân viên*

3.9.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác hàng tháng. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên.

3.9.2 *Trợ cấp thôi việc*

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.9.3 *Trợ cấp thất nghiệp*

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11 *Các quỹ*

Các quỹ của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

3.12 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.17 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Tiền mặt	24.986.172	32.886.536
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	14.084.292.101	-
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	11.923.721.834	4.516.634.776
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	47.000.000.000	25.000.000.000
	73.033.000.107	29.549.521.312

(*) Số dư tại ngày 31/12/2023 bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 3,85%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (31/12/2022: 6,00%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Chứng khoán kinh doanh (i)	116.057.879.085	135.456.609.266
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	21.000.000.000
	116.057.879.085	156.456.609.266
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (ii)	(1.925.720.314)	(11.348.402.661)
	114.132.158.771	145.108.206.605

Số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại 31/12/2022 là các khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất từ 8,50%/năm đến 8,60%/năm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

(i) Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn Upcom	30.826.916.468	29.626.299.406	(1.925.720.314)	55.179.923.521	59.577.275.422	(11.343.886.019)
GAS	7.082.661.916	6.500.550.000	(582.111.916)	62.253.240	71.050.000	-
SSI	3.660.482.500	3.608.000.000	(52.482.500)	1.525.728	885.000	(640.728)
BVH	3.385.137.954	2.765.000.000	(620.137.954)	-	-	-
TLG	3.166.044.273	3.070.200.000	(95.844.273)	-	-	-
HAX	2.601.463.852	2.224.000.000	(377.463.852)	-	-	-
POW	2.426.459.239	2.414.250.000	(12.209.239)	-	-	-
DXG	2.035.636.258	1.935.000.000	(100.636.258)	-	-	-
ACB	2.002.499.250	2.055.400.000	-	-	-	-
Khác	4.466.531.226	5.053.899.406	(84.834.322)	55.116.144.553	59.505.340.422	(11.343.245.291)
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	474.406.238	469.889.596	(4.516.642)
VIC121005	-	-	-	474.406.238	469.889.596	(4.516.642)
Chứng chỉ quỹ (*)	85.230.962.617	107.038.682.481	-	79.802.279.507	89.771.143.458	-
VCAMBF	60.230.962.617	80.062.000.097	-	54.802.279.507	64.589.802.387	-
VCAM-NH VABF	25.000.000.000	26.976.682.384	-	25.000.000.000	25.181.341.071	-
	116.057.879.085	136.664.981.887	(1.925.720.314)	135.456.609.266	149.818.308.476	(11.348.402.661)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 81,00% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ VCAMBF (31/12/2022: 83,00%) và 16,42% số lượng chứng chỉ quỹ của Quỹ VCAM-NH VABF (31/12/2022: 16,54%).



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Số đầu năm (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	11.348.402.661 (9.422.682.347)	2.797.719.744 8.550.682.917
Số cuối năm	1.925.720.314	11.348.402.661

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Phải thu từ bán cổ phiếu	10.039.945.978	4.223.970.288
Phải thu từ bán chứng chỉ quỹ	-	16.151.484.000
	10.039.945.978	20.375.454.288

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Phải thu phí quản lý quỹ	238.468.097	224.175.979
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	53.964.991	126.451.395
Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	78.177.813	1.183.070
	370.610.901	351.810.444

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Phải thu lãi tiền gửi	64.131.507	428.630.580
Phải thu cổ tức	145.650.000	6.380.000
Tạm ứng cho nhân viên	143.976.521	175.889.146
Phải thu ngắn hạn khác	1.569.452	1.587.346
	355.327.480	612.487.072

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	538.377.839	409.083.057
- Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	145.920.667	155.053.417
- Phí dịch vụ tích hợp và chữ ký số	128.333.333	-
- Cước phí internet	84.700.000	91.928.571
- Phí khám sức khỏe	44.268.750	22.065.750
- Phí bảo trì, lắp đặt	31.675.371	56.197.717
- Bảo hiểm nhân viên	31.414.018	32.840.550
- Phí thiết kế nội thất	25.236.000	-
- Khác	46.829.700	50.997.052
Chi phí trả trước dài hạn	284.691.927	417.792.124
- Chi phí thiết bị văn phòng	103.923.419	193.360.238
- Chi phí nội thất văn phòng	111.860.123	203.774.216
- Phí phần mềm trả trước	62.117.986	16.723.915
- Khác	6.790.399	3.933.755
	823.069.766	826.875.181

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đặt cọc thuê văn phòng	531.861.000	507.561.000
Khác	18.450.000	18.450.000
	550.311.000	526.011.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

11.1 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Nâng cấp văn phòng VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm và cuối năm	<u>1.570.866.516</u>	<u>1.616.307.528</u>	<u>3.187.174.044</u>
Khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	459.281.456	1.022.335.959	1.481.617.415
Khấu hao trong năm	<u>328.034.713</u>	<u>187.463.734</u>	<u>515.498.447</u>
Số cuối năm	<u>787.316.169</u>	<u>1.209.799.693</u>	<u>1.997.115.862</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>1.111.585.060</u>	<u>593.971.569</u>	<u>1.705.556.629</u>
Số cuối năm	<u>783.550.347</u>	<u>406.507.835</u>	<u>1.190.058.182</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 939.442.541 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 885.125.028 VND).

11.2 Tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm máy vi tính VND</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm và cuối năm	<u>739.609.998</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	419.359.979
Hao mòn trong năm	<u>119.000.006</u>
Số cuối năm	<u>538.359.985</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>320.250.019</u>
Số cuối năm	<u>201.250.013</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 424.610.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 284.610.000 VND).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm (Trình bày lại)		
	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết		2.381.295.918	(924.918.367)		2.848.953.061	(1.010.816.209)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures (i)	39,00%	1.891.500.000	(435.122.449)	39,00%	1.891.500.000	(53.363.148)
- Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt (ii)	20,00%	489.795.918	(489.795.918)	39,10%	957.453.061	(957.453.061)
Đầu tư vào đơn vị khác		2.500.000.000	(266.272.192)		2.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần STAG Việt Nam (iii)	4,05%	2.500.000.000	(266.272.192)	3,75%	2.500.000.000	-
		4.881.295.918	(1.191.190.559)		5.348.953.061	(1.010.816.209)

- (i) Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0315257305 ngày 5 tháng 9 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính. Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures bắt đầu hoạt động từ ngày 5 tháng 9 năm 2018.
- (ii) Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0316963455 ngày 28 tháng 9 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt bắt đầu hoạt động từ ngày 28 tháng 9 năm 2021.
- (iii) Công ty Cổ phần STAG Việt Nam được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0317189756 ngày 8 tháng 3 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp nền tảng công nghệ để người dùng học tập quản lý tài chính cá nhân, tra cứu thông tin, dữ liệu thị trường và phân tích với mục đích tham khảo một cách dễ dàng tiện lợi.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính này bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Số đầu năm	1.010.816.209	545.875.236
Trích lập trong năm	180.374.350	464.940.973
Số cuối năm	1.191.190.559	1.010.816.209

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Phải nộp trong năm VND	Đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(399.032.242)	-	-	(399.032.242)
Thuế thu nhập cá nhân	412.604.499	2.031.038.727	(2.020.536.786)	423.106.440
Thuế nhà thầu	-	34.520.974	(34.520.974)	-
	13.572.257	2.065.559.701	(2.055.057.760)	24.074.198
Trong đó:				
Phải thu	(399.032.242)			(399.032.242)
Phải nộp	412.604.499			423.106.440

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí dịch vụ chuyên môn	210.600.000	178.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	123.794.551	111.016.359
	334.394.551	289.016.359

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả mua chứng khoán	63.455.040	1.250.000.000
Phải trả khác	22.012.179	17.081.332
	85.467.219	1.267.081.332

16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành cho cổ đông		
- Số cổ phần phổ thông	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
- Số cổ phần phổ thông	13.000.000	13.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Chi tiết số dư tiền gửi nhà đầu tư ủy thác:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	15.276.700.767	7.431.683.332
Nguyễn Minh Hoàng (i)	5.000.000.000	-
Hoàng Thu Thủy (ii)	1.878.517.228	5.571.602.195
Nguyễn Văn Thử (iii)	980.494.557	-
Đỗ Trần Trung (iv)	933.006.164	-
Trần Quang Minh (v)	818.685.232	-
Huỳnh Công Tiến (vi)	694.223.680	411.867.874
Nguyễn Tuyết Lan (vii)	687.121.193	-
Lê Ninh Giang (viii)	682.839.714	276.364.904
Đặng Thu Thảo (ix)	647.381.745	312.175.523
Nguyễn Thùy Chi (x)	640.245.058	-
Thân Thị Thục Quyên (xi)	637.935.315	276.125.678
Hoàng Tùng Anh (xii)	370.889.420	-
Chu Thị Thảo Nguyên (xiii)	357.461.102	-
Huỳnh Thị Minh Trang (xiv)	351.205.832	136.831.117
Trần Minh Long (xv)	339.174.233	-
Đỗ Thành Nam(xvi)	113.018.047	-
Phạm Anh Khoa (xvii)	58.048.009	61.528.463
Lê Nguyễn Chí Cường (xviii)	23.262.652	653.729
Nguyễn Cao Luân (xix)	15.523.962	143.842
Huỳnh Chí Phương Quyên (xx)	8.238.122	11.817.816
Công Ty TNHH Phoenix Holdings (xxi)	7.387.366	14.963.007
Việt Thụy Tố Quyên (xxii)	7.180.432	5.309.827
Nguyễn Cảnh Thịnh (xxiii)	6.841.151	5.302.506
Lê Quỳnh Kim Ngân (xxiv)	5.940.459	4.264.911
Nguyễn An Thiên Trang (xxv)	4.042.937	3.234.256
Chung Bích Nga (xxvi)	4.041.544	3.238.554
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Việt Capital Ventures (xxvii)	3.826.020	3.665.533
Trần Ngô Anh Thy (xxviii)	169.593	289.301
Đoàn Thị Phương Lan (xxix)	-	331.866.312
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture (xxx)	-	436.638
Nguyễn Thị Ngọc Như (xxxi)	-	1.346
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	455.480.462	12.924.539
Cheung Chih Tin (xxxii)	455.480.462	-
Kalidas Ghose (xxxiii)	-	102.937
Jang Hyungsik (xxxiv)	-	12.821.602
	15.732.181.229	7.444.607.871

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) Nguyễn Minh Hoàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	5.000.000.000	-
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	5.000.000.000	-
Số cuối năm	5.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(ii) Hoàng Thu Thủy

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	5.571.602.195	-
Tăng trong năm	10.294.025.081	8.000.967.066
- Nhận lãi trái phiếu	643.460.162	-
- Nhận tiền bán chứng khoán	4.502.245.425	-
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	300.000.000	8.000.000.000
- Nhận gốc trái phiếu	4.829.100.000	-
- Lãi tiền gửi nhận được	3.479.494	967.066
- Cổ tức nhận được	15.740.000	-
Giảm trong năm	(13.987.110.048)	(2.429.364.871)
- Thanh toán mua chứng khoán	(9.139.591.228)	(2.425.484.098)
- Phí môi giới	(20.462.766)	-
- Phí lưu ký	(12.862.758)	-
- Phí quản lý danh mục	(76.213.902)	-
- Thuế thu nhập cá nhân	(4.386.810)	-
- Thuế từ cổ tức	(692.000)	-
- Phí xử lý hồ sơ hợp đồng tiền gửi	(100.000)	-
- Thuế từ trái phiếu	(16.854.730)	-
- Vốn ủy thác theo yêu cầu của nhà đầu tư	(4.400.000.000)	-
- Chi khác	(315.945.854)	(3.880.773)
Số cuối năm	1.878.517.228	5.571.602.195

(iii) Nguyễn Văn Thứ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	2.703.541.214	-
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	1.000.023.594	-
- Nhận tiền bán chứng khoán	1.702.922.000	-
- Lãi tiền gửi nhận được	595.620	-
Giảm trong năm	(1.723.046.657)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(1.713.311.825)	-
- Thuế thu nhập cá nhân	(1.702.922)	-
- Phí thanh toán mua chứng khoán	(3.749.116)	-
- Phí lưu ký	(25.497)	-
- Chi khác	(4.257.297)	-
Số cuối năm	980.494.557	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(iv) Đỗ Trần Trung

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	8.321.322.599	-
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	3.000.304.500	-
- Nhận tiền bán chứng khoán	4.953.013.000	-
- Vay mua ký quỹ	366.687.248	-
- Lãi tiền gửi nhận được	1.317.851	-
Giảm trong năm	(7.388.316.435)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(7.005.822.678)	-
- Thanh toán gốc vay mua ký quỹ	(367.523.641)	-
- Phí lưu ký	(111.077)	-
- Chi khác	(14.859.039)	-
Số cuối năm	933.006.164	-

(v) Trần Quang Minh

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	1.300.184.737	-
- Vốn ủy thác của nhà đầu tư	1.300.000.000	-
- Lãi tiền gửi nhận được	184.737	-
Giảm trong năm	(481.499.505)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(480.118.393)	-
- Phí môi giới	(720.175)	-
- Phí lưu ký	(660.937)	-
Số cuối năm	818.685.232	-

(vi) Huỳnh Công Tiến

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	411.867.874	387.906.617
Tăng trong năm	6.810.056.175	3.302.703.683
- Nhận tiền bán chứng khoán	6.074.485.224	2.539.651.800
- Cổ tức nhận được	189.931.811	35.462.521
- Lãi tiền gửi nhận được	2.627.447	1.433.294
- Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	726.156.068
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	543.011.693	-
Giảm trong năm	(6.527.700.369)	(3.278.742.426)
- Thanh toán mua chứng khoán	(5.420.754.186)	(2.536.836.000)
- Phí lưu ký	(280.025)	(132.086)
- Rút tiền	(1.086.023.386)	-
- Thanh toán gốc ứng trước	-	(726.156.068)
- Chi khác	(20.642.772)	(15.618.272)
Số cuối năm	694.223.680	411.867.874

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(vii) Nguyễn Tuyết Lan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	4.318.914.614	-
- Lãi dự thu	43.836	-
- Vốn ủy thác của nhà đầu tư	2.000.000.000	-
- Lãi tiền gửi nhận được	442.777	-
- Nhận tiền bán chứng khoán	2.318.428.001	-
Giảm trong năm	(3.631.793.421)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(3.614.891.891)	-
- Thuế thu nhập từ bán cổ phiếu	(2.318.428)	-
- Nhà đầu tư trả phí quản lý danh mục	(1.406.255)	-
- Phí môi giới	(8.899.980)	-
- Phí lưu ký	(4.276.867)	-
Số cuối năm	687.121.193	-

(viii) Lê Ninh Giang

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	276.364.904	275.345.189
Tăng trong năm	7.455.466.476	7.119.676.773
- Nhận tiền bán chứng khoán	7.070.068.464	7.061.165.984
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	346.500.000	28.631.593
- Lãi tiền gửi nhận được	666.806	623.946
- Cổ tức nhận được	38.050.000	29.255.250
- Lãi dự thu nhận được	181.206	-
Giảm trong năm	(7.048.991.666)	(7.118.657.058)
- Chuyển vốn ủy thác theo yêu cầu nhà đầu tư	(2.274.000.000)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(4.632.679.701)	(1.951.457.000)
- Phí quản lý	(56.973.963)	(43.378.558)
- Phí lưu ký	(14.039.602)	(11.361.464)
- Tất toán tài khoản	-	(5.087.220.744)
- Phí môi giới	(9.602.186)	-
- Thuế thu nhập	(3.330.974)	-
- Thuế từ cổ tức	(812.500)	-
- Phí quản lý danh mục	(29.009.141)	-
- Tiền đặt mua chứng khoán	(21.700.000)	-
- Chi khác	(6.843.599)	(25.239.292)
Số cuối năm	682.839.714	276.364.904

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(ix) Đặng Thu Thảo

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	312.175.523	270.232.768
Tăng trong năm	4.871.129.454	2.426.371.297
- Nhận tiền bán chứng khoán	4.831.327.400	2.002.214.550
- Cổ tức nhận được	37.031.000	28.577.662
- Lãi tiền gửi nhận được	2.771.054	934.278
- Vay mua ký quỹ	-	394.644.807
Giảm trong năm	(4.535.923.232)	(2.384.428.542)
- Thanh toán mua chứng khoán	(4.522.054.212)	(1.980.403.000)
- Phí lưu ký	(225.615)	(105.096)
- Thanh toán gốc vay mua ký quỹ	-	(394.644.807)
- Chi khác	(13.643.405)	(9.275.639)
Số cuối năm	647.381.745	312.175.523

(x) Nguyễn Thùy Chi

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	4.298.147.736	-
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	2.000.000.000	-
- Lãi tiền gửi nhận được	629.736	-
- Nhận tiền bán chứng khoán	2.297.518.000	-
Giảm trong năm	(3.657.902.678)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(3.650.945.316)	-
- Chi khác	(6.892.554)	-
- Phí lưu ký	(64.808)	-
Số cuối năm	640.245.058	-

(xi) Thân Thị Thục Quyên

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	276.125.678	260.510.407
Tăng trong năm	4.774.245.020	2.409.833.937
- Nhận tiền bán chứng khoán	4.735.412.100	1.975.948.900
- Lãi tiền gửi nhận được	2.618.920	840.172
- Cổ tức nhận được	36.214.000	28.672.662
- Vay mua ký quỹ	-	404.372.203
Giảm trong năm	(4.412.435.383)	(2.394.218.666)
- Thanh toán mua chứng khoán	(4.398.822.838)	(1.980.530.000)
- Phí lưu ký	(221.427)	(106.294)
- Thanh toán gốc vay mua ký quỹ	-	(404.372.203)
- Chi khác	(13.391.118)	(9.210.169)
Số cuối năm	637.935.315	276.125.678

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xii) Hoàng Tùng Anh

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	1.972.197.269	-
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	1.000.000.000	-
- Lãi tiền gửi nhận được	120.341	-
- Nhận tiền bán chứng khoán	972.076.928	-
Giảm trong năm	(1.601.307.849)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(1.593.776.170)	-
- Nhà đầu tư trả phí quản lý danh mục	(114.273)	-
- Phí môi giới	(3.848.781)	-
- Thuế thu nhập	(972.077)	-
- Phí lưu ký	(2.596.548)	-
Số cuối năm	370.889.420	-

(xiii) Chu Thị Thảo Nguyễn

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	2.321.258.829	-
- Nhận tiền bán chứng khoán	2.277.904.700	-
- Lãi tiền gửi nhận được	545.129	-
- Cổ tức nhận được	1.330.000	-
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	41.479.000	-
Giảm trong năm	(1.963.797.727)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(1.953.290.542)	-
- Phí lưu ký	(66.545)	-
- Chi khác	(10.440.640)	-
Số cuối năm	357.461.102	-

(xiv) Huỳnh Thị Minh Trang

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	136.831.117	117.655.031
Tăng trong năm	2.379.311.020	1.005.694.871
- Nhận tiền bán chứng khoán	2.359.529.682	990.907.831
- Cổ tức nhận được	19.405.000	14.475.310
- Lãi tiền gửi nhận được	376.338	311.730
Giảm trong năm	(2.164.936.305)	(986.518.785)
- Thanh toán mua chứng khoán	(2.134.215.653)	(975.842.500)
- Phí lưu ký	(9.450.250)	(4.200.000)
- Phí môi giới	(4.771.107)	-
- Thuế thu nhập	(1.668.794)	-
- Thuế thu từ cổ tức	(420.250)	-
- Tiền đặt mua chứng khoán VLC	(11.200.000)	-
- Chi khác	(3.210.251)	(6.476.285)
Số cuối năm	351.205.832	136.831.117

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xv) Trần Minh Long

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	4.374.794.477	-
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	2.000.000.000	-
- Lãi tiền gửi nhận được	870.477	-
- Nhận tiền bán chứng khoán	2.373.924.000	-
Giảm trong năm	(4.035.620.244)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(3.729.619.038)	-
- Chi khác	(5.934.801)	-
- Rút tiền	(300.000.000)	-
- Phí lưu ký	(66.405)	-
Số cuối năm	339.174.233	-

(xvi) Đỗ Thành Nam

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	584.307.156	-
- Vốn ủy thác	300.000.000	-
- Nhận tiền bán chứng khoán	283.917.233	-
- Lãi tiền gửi nhận được	39.923	-
- Hoàn tiền thu nhầm	350.000	-
Giảm trong năm	(471.289.109)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(467.006.964)	-
- Phí môi giới	(1.126.387)	-
- Phí lưu ký	(2.750.000)	-
- Chi khác	(50.000)	-
- Nhà đầu tư trả phí quản lý danh mục	(71.840)	-
- Thuế thu nhập	(283.918)	-
Số cuối năm	113.018.047	-

(xvii) Phạm Anh Khoa

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	61.528.463	65.133.603
Tăng trong năm	119.546	126.860
- Lãi tiền gửi nhận được	99.611	126.860
- Lãi dự thu nhận được	19.935	-
Giảm trong năm	(3.600.000)	(3.732.000)
- Phí lưu ký	(3.600.000)	(3.600.000)
- Chi khác	-	(132.000)
Số cuối năm	58.048.009	61.528.463

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xviii) Lê Nguyễn Chí Cường

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	653.729	210.631.274
Tăng trong năm	5.891.478.162	115.358
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	1.669.828.500	-
- Lãi tiền gửi nhận được	1.696.871.231	115.358
- Vốn ủy thác của nhà đầu tư	2.524.166.750	-
- Khác	611.681	-
Giảm trong năm	(5.868.869.239)	(210.092.903)
- Vốn góp thành lập USV	(2.500.000.000)	-
- Tắt toán tài khoản	(1.670.571.238)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(1.671.500.000)	-
- Hoàn vốn ủy thác chuyển dư	-	(203.360.903)
- Phí xử lý hồ sơ góp vốn mua cổ phần USV	(250.000)	-
- Phí lưu ký	(22.382.356)	(132.000)
- Phí quản lý	(2.321.645)	(6.600.000)
- Chi khác	(1.844.000)	-
Số cuối năm	23.262.652	653.729

(xix) Nguyễn Cao Luân

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	143.842	111.799
Tăng trong năm	991.043.342	20.009.821
- Nhận tiền bán chứng khoán	991.000.000	-
- Lãi tiền gửi nhận được	37.608	9.821
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	-	20.000.000
- Lãi dự thu nhận được	5.734	-
Giảm trong năm	(975.663.222)	(19.977.778)
- Chuyển vốn ủy thác	(970.000.000)	-
- Phí lưu ký	(3.900.000)	(3.300.000)
- Phí quản lý	(672.222)	(16.545.778)
- Chi khác	(1.091.000)	(132.000)
Số cuối năm	15.523.962	143.842

(xx) Huỳnh Chí Phương Quyên

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	11.817.816	15.522.266
Tăng trong năm	20.306	27.550
- Lãi tiền gửi nhận được	17.004	27.550
- Lãi dự thu nhận được	3.302	-
Giảm trong năm	(3.600.000)	(3.732.000)
- Phí lưu ký	(3.600.000)	(3.600.000)
- Chi khác	-	(132.000)
Số cuối năm	8.238.122	11.817.816

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xxi) Công ty TNHH Phoenix Holdings

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	14.963.007	14.938.350
Tăng trong năm	7.964.026.816	135.591.060
- Nhận tiền bán chứng khoán	7.192.750.000	-
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	771.135.653	135.566.403
- Lãi tiền gửi nhận được	139.460	24.657
- Lãi dự thu nhận được	1.703	-
Giảm trong năm	(7.971.602.457)	(135.566.403)
- Chuyển vốn ủy thác	(7.192.750.000)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(693.000.000)	-
- Phí quản lý	(52.888.939)	(123.256.146)
- Phí lưu ký	(9.019.061)	(11.947.164)
- Nhà đầu tư trả phí quản lý danh mục	(23.125.182)	-
- Chi khác	(819.275)	(363.093)
Số cuối năm	7.387.366	14.963.007

(xxii) Việt Thụy Tố Quyên

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	5.309.827	21.219.304
Tăng trong năm	7.014.164	7.017.879
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	7.000.000	7.000.000
- Lãi tiền gửi nhận được	10.979	17.879
- Lãi dự thu nhận được	3.185	-
Giảm trong năm	(5.143.559)	(22.927.356)
- Phí lưu ký	(5.143.559)	(3.600.000)
- Phí quản lý	-	(19.195.356)
- Chi khác	-	(132.000)
Số cuối năm	7.180.432	5.309.827

(xxiii) Nguyễn Cảnh Thịnh

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	5.302.506	26.040.690
Tăng trong năm	7.014.106	7.020.473
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	7.000.000	7.000.000
- Lãi tiền gửi nhận được	10.986	20.473
- Lãi dự thu nhận được	3.120	-
Giảm trong năm	(5.475.461)	(27.758.657)
- Phí lưu ký	(5.475.461)	(3.600.000)
- Phí quản lý	-	(24.026.657)
- Chi khác	-	(132.000)
Số cuối năm	6.841.151	5.302.506



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xxiv) Lê Quỳnh Kim Ngân

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	4.264.911	19.227.094
Tăng trong năm	6.010.552	6.015.901
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	6.000.000	6.000.000
- Lãi tiền gửi nhận được	7.903	15.901
- Lãi dự thu nhận được	2.649	-
Giảm trong năm	(4.335.004)	(20.978.084)
- Phí lưu ký	(4.335.004)	(3.600.000)
- Phí quản lý	-	(17.246.084)
- Chi khác	-	(132.000)
Số cuối năm	5.940.459	4.264.911

(xxv) Nguyễn An Thiên Trang

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	3.234.256	9.487.104
Tăng trong năm	5.008.681	5.009.754
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	5.000.000	5.000.000
- Lãi tiền gửi nhận được	6.689	9.754
- Lãi dự thu nhận được	1.992	-
Giảm trong năm	(4.200.000)	(11.262.602)
- Phí lưu ký	(4.200.000)	(3.600.000)
- Phí quản lý	-	(7.530.602)
- Thanh toán mua chứng khoán	-	-
- Chi khác	-	(132.000)
Số cuối năm	4.042.937	3.234.256

(xxvi) Chung Bích Nga

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	3.238.554	6.828.833
Tăng trong năm	5.002.990	5.008.171
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	-	5.000.000
- Lãi tiền gửi nhận được	2.668	8.171
- Lãi dự thu nhận được	322	-
- Vốn ủy thác của nhà đầu tư	-	-
- Phí quản lý nhận được	5.000.000	-
Giảm trong năm	(4.200.000)	(8.598.450)
- Phí quản lý	-	(4.866.450)
- Thanh toán mua chứng khoán	-	-
- Phí lưu ký	(4.200.000)	(3.600.000)
- Chi khác	-	(132.000)
Số cuối năm	4.041.544	3.238.554

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xxvii) Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	3.665.533	219.816
Tăng trong năm	1.371.353.412	20.005.634
- Nhận tiền bán chứng khoán	1.361.250.000	-
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	10.000.000	20.000.000
- Lãi tiền gửi nhận được	103.412	5.634
Giảm trong năm	(1.371.192.925)	(16.559.917)
- Chuyển vốn ủy thác	(1.361.250.000)	-
- Phí quản lý	(3.748.940)	(12.427.917)
- Nhà đầu tư trả phí quản lý danh mục	(2.694.981)	-
- Phí lưu ký	(3.300.000)	(3.900.000)
- Chi khác	(199.004)	(232.000)
Số cuối năm	3.826.020	3.665.533

(xxviii) Trần Ngô Anh Thy

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	289.301	14.760.590
Tăng trong năm	1.237.254.017	7.113
- Nhận tiền bán chứng khoán	1.237.250.000	-
- Lãi tiền gửi nhận được	4.017	7.113
Giảm trong năm	(1.237.373.725)	(14.478.402)
- Chuyển vốn ủy thác	(1.195.248.393)	-
- Phí quản lý	(38.364.357)	(10.814.402)
- Phí lưu ký	(1.360.975)	(3.300.000)
- Chi khác	(2.400.000)	(364.000)
Số cuối năm	169.593	289.301

(xxix) Đoàn Thị Phương Lan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	331.866.312	-
Tăng trong năm	1.588.958.849	3.369.958.287
- Nhận tiền bán chứng khoán	1.577.479.157	1.345.163.485
- Cổ tức nhận được	11.200.000	24.061.750
- Lãi tiền gửi nhận được	278.774	733.052
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	-	2.000.000.000
- Thu khác	918	-
Giảm trong năm	(1.920.825.161)	(3.038.091.975)
- Chuyển vốn ủy thác	(1.563.129.737)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(337.811.600)	(3.023.820.000)
- Phí quản lý	(4.711.419)	-
- Phí lưu ký	(3.152.027)	(3.150.000)
- Chi khác	(12.020.378)	(11.121.975)
Số cuối năm	-	331.866.312

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xxx) Công ty TNHH MTV Digiworld Venture

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	436.638	16.696.619
Tăng trong năm	53.724.584	75.757.681
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	53.714.447	75.718.465
- Lãi tiền gửi nhận được	7.210	39.216
- Lãi dự thu nhận được	2.927	-
Giảm trong năm	(54.161.222)	(92.017.662)
- Phí quản lý	(43.338.946)	(86.799.262)
- Phí lưu ký	(3.536.800)	(4.780.533)
- Phí đóng tài khoản lưu ký	(330.000)	-
- Nghiệm thu hợp đồng quản lý danh mục	(6.031.776)	-
- Chi khác	(923.700)	(437.867)
Số cuối năm	-	436.638

(xxxi) Nguyễn Thị Ngọc Như

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	1.346	3.347.625
Tăng trong năm	1.642.687.733	26.875.892
- Thanh toán bán chứng khoán	1.433.565.000	-
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	208.798.617	26.870.897
- Lãi tiền gửi nhận được	96.405	4.995
- Thu khác	227.711	-
Giảm trong năm	(1.642.689.079)	(30.222.171)
- Tắt toán tài khoản	(1.431.192.923)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(197.750.000)	-
- Phí quản lý	(11.072.656)	(26.690.171)
- Phí lưu ký	(2.100.000)	(3.300.000)
- Chi khác	(573.500)	(232.000)
Số cuối năm	-	1.346

(xxxii) Cheung Chih Tin

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	1.796.355.603	-
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	389.063.781	-
- Nhận tiền bán chứng khoán	1.407.211.662	-
- Lãi tiền gửi nhận được	80.160	-
Giảm trong năm	(1.340.875.141)	-
- Thanh toán mua chứng khoán	(1.340.830.308)	-
- Phí lưu ký	(44.833)	-
Số cuối năm	455.480.462	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(xxxiii) Kalidas Ghose

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	102.937	14.554.849
Tăng trong kỳ	22.961.029	10.281
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	-	-
- Lãi dự thu nhận được	35	-
- Lãi tiền gửi nhận được	170	10.281
- Hoàn lại phí quản lý tài khoản	22.960.824	-
Giảm trong kỳ	(23.063.966)	(14.462.193)
- Phí quản lý	(18.130.824)	(11.330.193)
- Phí lưu ký	(4.500.000)	(2.900.000)
- Phí thanh lý danh mục đầu tư	(103.142)	-
- Phí đóng tài khoản lưu ký	(330.000)	-
- Chi khác	-	(232.000)
Số cuối năm	-	102.937

(xxxiv) Jang Hyungsik

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	12.821.602	119.742
Tăng trong năm	5.765.898.809	159.869.694
- Thanh toán bán chứng khoán	5.741.253.000	-
- Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác	24.322.916	159.836.111
- Lãi tiền gửi nhận được	4.797	33.583
- Thu khác	318.096	-
Giảm trong năm	(5.778.720.411)	(147.167.834)
- Tắt toán tài khoản	(5.756.667.633)	-
- Phí quản lý	(19.648.078)	(143.135.834)
- Phí lưu ký	(1.200.000)	(3.900.000)
- Chi khác	(1.204.700)	(132.000)
Số cuối năm	-	12.821.602

Chi tiết biến động tiền nhà đầu tư ủy thác trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	7.444.607.871	1.872.116.648
Tăng trong năm	100.134.834.558	29.261.578.919
Giảm trong năm	(91.847.261.200)	(23.689.087.696)
Số cuối năm	15.732.181.229	7.444.607.871

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	52.123.700.678	45.167.935.648
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>		
POW	63.740.632	-
GAS	28.458.505	41.511.761
PVS	11.867.667	-
TCH	10.150.225	-
ANV	4.386.804	-
HHV	1.587.536	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.676.766.500	65.433.287.236
CTCP CMEGO	17.471.250.000	17.471.250.000
CTCP Công nghệ Ecotruck	9.990.000.000	9.990.000.000
CTCP E2	3.215.516.500	3.215.516.500
CTCP Giải Pháp Tài Chính Toàn Diện	-	11.560.007.569
CTCP Giải Pháp Gene	-	23.196.513.167
Trái phiếu niêm yết	1.073.966.455	2.369.134.968
MSN121013	1.073.966.455	1.073.966.455
MSN120010	-	649.691.491
MSN120011	-	645.477.022
	83.874.433.633	112.970.357.852

19. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải thu khác	2.500.000.000	677.442
Phải thu tiền bán chứng khoán	1.196.771.162	236.549.878
Phải thu cổ tức	-	32.822.500
Phải thu trái tức	55.851.616	66.350.412
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	11.306.301	-
	3.763.929.079	336.400.232

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả mua chứng khoán	310.665.300	-
Phải trả phí quản lý	53.964.992	107.945.484
Phải trả ngân hàng lưu ký	8.480.616	7.625.719
Phải trả thuế TNCN từ trái tức	2.953.074	2.741.096
Phải trả thuế thuế TNCN từ nhận cổ tức	2.695.171	-
	378.759.153	118.312.299

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ (*)	2.643.226.717	1.562.258.258
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	312.021.159	745.839.095
Doanh thu khác	100.229.695	159.971.480
	3.055.477.571	2.468.068.833

(*) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("VCAMBF") và Quỹ Đầu tư Trái phiếu Phát triển Việt Nam ("VCAM-NH VABF") là các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

<i>Tên viết tắt</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Giấy Chứng nhận Đăng ký</i>	<i>Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> <i>VND</i>	<i>Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> <i>VND</i>
			VCAMBF	Quỹ mở
VCAM-NH VABF	Quỹ mở	Số 40/GCN-UBCK ngày 02 tháng 3 năm 2023	164.269.741.282	152.190.430.191

Theo điều lệ quỹ của VCAMBF, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng với tỷ lệ 0,9%/năm (đến ngày 18 tháng 4 năm 2022) và 1,2%/năm (từ ngày 18 tháng 4 năm 2022) tính trên tổng giá trị tài sản ròng của VCAMBF.

Theo điều lệ quỹ của VCAM-NH VABF, Công ty được nhận phí quản lý tương đương 1,0%/năm tính trên tổng giá trị Giá trị tài sản ròng của VCAM-NH VABF.

Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ của VCAMBF và VCAM-NH VABF lần lượt là 0,5% - 5,0% giá trị đăng ký mua và 0,5% - 3,0% giá trị bán thực hiện.

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên	10.066.402.614	8.834.288.337
Chi phí hoạt động quản lý	2.468.701.386	2.541.565.451
Chi phí thuê văn phòng	1.522.828.621	1.148.817.291
Chi phí tư vấn quản lý quỹ	1.320.616.532	2.994.763.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	415.772.239	285.052.441
Chi phí khác	1.099.110.110	973.802.750
	16.893.431.502	16.778.290.106

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <u>VND</u>	<i>Năm trước</i> <u>VND</u>
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	25.117.816.130	24.846.275.128
Lãi tiền gửi ngân hàng và trái phiếu	2.553.230.095	2.679.213.963
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.624.442.700	222.444.750
	<u>29.295.488.925</u>	<u>27.747.933.841</u>

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <u>VND</u>	<i>Năm trước</i> <i>(Trình bày lại)</i> <u>VND</u>
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	15.227.268.825	11.529.975.997
	<u>(9.242.307.997)</u>	<u>9.015.623.890</u>
	<u>5.984.960.828</u>	<u>20.545.599.887</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i> <u>VND</u>	<i>Năm trước</i> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.340.652.806	5.877.692.004
Chi phí văn phòng	802.180.380	768.983.895
Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý	234.073.581	397.231.800
Chi phí thù lao Hội đồng quản trị	227.227.000	265.446.500
Chi phí khấu hao	218.726.214	190.548.184
Thuế, phí, lệ phí	45.380.813	37.983.821
Khác	1.321.221.237	1.716.096.806
	<u>8.189.462.031</u>	<u>9.253.983.010</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% (năm trước: 20%) lợi nhuận tính thuế trong năm theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	1.233.112.135	(16.378.832.446)
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (năm trước: 20%)	246.622.427	(3.275.766.489)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
- Chi phí không được khấu trừ khi tính thuế TNDN	44.934.796	163.852.854
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
- Doanh thu cổ tức không chịu thuế	(324.888.540)	(44.488.950)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận	33.331.317	3.156.402.585
Chi phí thuế TNDN trong năm	-	-

26.2 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 15.948.669.512 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 15.782.012.927 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm</i> <i>phát sinh</i> <i>(*)</i>	<i>Năm cuối</i> <i>chuyển lỗ</i>	<i>Lỗ tính thuế</i> <i>VND</i>	<i>Số lỗ tính thuế</i> <i>đã sử dụng</i> <i>đến cuối kỳ trước</i> <i>VND</i>	<i>Chuyển lỗ</i> <i>trong năm</i> <i>VND</i>	<i>Số lỗ tính thuế</i> <i>chưa sử dụng</i> <i>tại cuối kỳ này</i> <i>VND</i>
2022	2027	15.782.012.925	-	-	15.782.012.925
2023	2028	166.656.585	-	-	166.656.585
		15.948.669.510	-	-	15.948.669.510

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

26.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước	15.948.669.510	3.189.733.902	15.782.012.925	3.156.402.585

27. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty	1.233.112.135	(16.378.832.446)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	13.000.000	13.000.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	95	(1.260)

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - ▶ kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các công ty con);
 - ▶ có vốn góp vào Công ty và do đó có sự ảnh hưởng đáng kể tới Công ty; hoặc
 - ▶ có quyền đồng kiểm soát Công ty;
- Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết;
- Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Tổng giám đốc của Công ty hoặc Công ty mẹ;
- Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- Bên liên quan là một tổ chức được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc quyền biểu quyết đáng kể trong tổ chức này tập trung vào, bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures	Công ty liên kết	Phí quản lý danh mục đầu tư Bán cổ phần	6.129.917 -	11.272.121 (485.000.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Bên liên quan	Phí dịch vụ môi giới chứng khoán Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán Mua cổ phần	- 380.259 -	5.602.100 884.304 3.729.133.600
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan	Gửi tiền gửi có kỳ hạn Rút tiền gửi có kỳ hạn Nhận lãi tiền gửi có kỳ hạn	242.000.000.000 (241.000.000.000) 2.853.605.483	309.000.000.000 (275.000.000.000) 2.266.060.445
VCAMBF	Quỹ được Quản lý	Phí quản lý quỹ Mua chứng chỉ quỹ Bán chứng chỉ quỹ	1.060.609.322 13.000.000.000 (10.060.730.736)	1.163.899.734 - (16.151.484.000)
VCAM-NH VABF	Quỹ được Quản lý	Phí quản lý quỹ Mua chứng chỉ quỹ	1.582.617.395 -	398.358.524 25.000.000.000
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc		Lương, thù lao trợ cấp	4.007.960.000	3.774.800.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu/phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures	Công ty liên kết	Đầu tư vào công ty liên kết Phải thu phí quản lý	1.891.500.000 456.527	1.891.500.000 770.531
Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Bản Việt	Công ty liên kết	Đầu tư vào công ty liên kết	489.795.918	957.453.061
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan	Tiền gửi có kỳ hạn Tiền gửi không kỳ hạn Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	47.000.000.000 329.375.601 64.131.507	46.000.000.000 1.378.058.918 425.520.552
VCAMBF	Quỹ được Quản lý	Đầu tư ngắn hạn Phải thu phí quản lý Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	60.230.962.617 99.394.226 77.748.827	54.802.279.507 95.371.250 1.183.070
VCAM-NH VABF	Quỹ được Quản lý	Đầu tư ngắn hạn Phải thu phí quản lý Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	25.000.000.000 139.073.871 428.986	25.000.000.000 128.804.729 -

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

29.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và trái phiếu đầu tư của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định. Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

29.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền gửi giao dịch tại công ty chứng khoán, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm trái phiếu niêm yết do tổ chức uy tín phát hành. Tổng Giám đốc không nhận thấy bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ trái phiếu niêm yết và tin rằng tổ chức này sẽ không vỡ nợ và gây tổn thất cho Công ty.

29.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.033.000.107	47.000.000.000	-	-	73.033.000.107
Đầu tư ngắn hạn - gộp	116.057.879.085	-	-	-	116.057.879.085
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	10.039.945.978	-	-	10.039.945.978
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	370.610.901	-	-	370.610.901
Các khoản phải thu khác	-	-	355.327.480	-	355.327.480
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	550.311.000	550.311.000
	142.090.879.192	57.410.556.879	355.327.480	550.311.000	200.407.074.551
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	-	-	334.394.551	-	334.394.551
Phải trả ngắn hạn khác	-	-	85.467.219	-	85.467.219
	-	-	419.861.770	-	419.861.770
Trạng thái thanh khoản ròng	142.090.879.192	57.410.556.879	(64.534.290)	550.311.000	199.987.212.781

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.549.521.312	25.000.000.000	-	-	29.549.521.312
Đầu tư ngắn hạn - gộp	135.456.609.266	-	21.000.000.000	-	156.456.609.266
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	20.375.454.288	-	-	20.375.454.288
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	351.810.444	-	-	351.810.444
Các khoản phải thu khác	-	-	612.487.072	-	612.487.072
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	526.011.000	526.011.000
	140.006.130.578	45.727.264.732	21.612.487.072	526.011.000	207.871.893.382
Nợ phải trả tài chính					
Chi phí phải trả	-	-	289.016.359	-	289.016.359
Khác	-	-	1.267.081.332	-	1.267.081.332
	-	-	1.556.097.691	-	1.556.097.691
Trạng thái thanh khoản ròng	140.006.130.578	45.727.264.732	20.056.389.381	526.011.000	206.315.795.691

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

30. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.033.000.107	73.033.000.107	29.549.521.312	29.549.521.312
Đầu tư ngắn hạn	114.132.158.771	136.664.981.887	124.108.206.605	149.818.308.476
- Cổ phiếu niêm yết và UPCoM	28.901.196.154	29.626.299.406	43.836.037.502	59.577.275.422
- Trái phiếu niêm yết	-	-	469.889.596	469.889.596
- Chứng chỉ quỹ	85.230.962.617	107.038.682.481	79.802.279.507	89.771.143.458
Các khoản phải thu ngắn hạn	10.039.945.978	10.039.945.978	20.375.454.288	20.375.454.288
Phải thu từ các hoạt động nghiệp vụ	370.610.901	370.610.901	351.810.444	351.810.444
Các khoản phải thu khác	355.327.480	355.327.480	612.487.072	612.487.072
Phải thu dài hạn khác	550.311.000	550.311.000	526.011.000	526.011.000
	198.481.354.237	221.014.177.353	175.523.490.721	201.233.592.592
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	334.394.551	334.394.551	289.016.359	289.016.359
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	85.467.219	85.467.219	1.267.081.332	1.267.081.332
	419.861.770	419.861.770	1.556.097.691	1.556.097.691

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Cơ sở xác định giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết và đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM"), giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một (1) năm	2.136.035.000	2.518.388.400
Từ một (1) đến năm (5) năm	5.075.362.864	487.539.250
	7.211.397.864	3.005.927.650

32. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để sửa chữa sai sót liên quan đến số dư dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Chi tiết như sau:

Trích từ bảng cân đối kế toán

Mã số	CHỈ TIÊU	Số đầu năm VND (Đã trình bày)	Điều chỉnh	Số đầu năm VND (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	6.955.273.331	352.473.293	7.307.746.624
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.985.663.559	352.473.293	4.338.136.852
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.363.289.502)	352.473.293	(1.010.816.209)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	203.760.868.351	352.473.293	204.113.341.644
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	200.994.460.461	352.473.293	201.346.933.754
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	66.389.241.607	352.473.293	66.741.714.900
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	203.760.868.351	352.473.293	204.113.341.644

Trích từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm trước VND (Đã trình bày)	Điều chỉnh	Năm trước VND (Trình bày lại)
22	Chi phí tài chính	(20.898.073.180)	352.473.293	(20.545.599.887)
30	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(16.714.343.622)	352.473.293	(16.361.870.329)
50	Tổng lỗ kế toán trước thuế	(16.731.305.739)	352.473.293	(16.378.832.446)
60	Lỗ sau thuế TNDN	(16.731.305.739)	352.473.293	(16.378.832.446)
70	Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(1.287)	27	(1.260)

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:




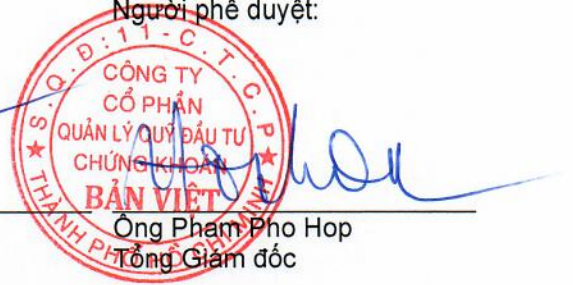
Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Phạm Phú Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

